TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 08/5/2024
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trịnh Huy Phương; ông Dương Ngọc Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy*:** Bà Lê Thị Cẩm Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024, về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐ XXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, bản tự khai nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: A và chị Phạm Thị B kết hôn với nhau ngày 23/10/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2010 chị B đi làm ăn thỉnh thoảng có liên lạc về cho anh D nhưng không về nhà, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, hiện đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh D đề nghị được ly hôn chị Phạm Thị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Thị Ngọc B1, sinh ngày 02/02/2009. Cháu B1 hiện nay đang ở cùng chị B nên anh D nhất trí giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị B trong bản tự khai ngày 04/3/2024 trình bày: Chị và anh Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2008, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay anh D yêu cầu ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Thị Ngọc B1, sinh ngày 02/02/2009. chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Cháu Lê Thị Ngọc B1 có bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là Phạm Thị B.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Anh Lê Văn D và chị Phạm Thị B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 23/10/2008. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Ngọc B1, sinh ngày 02/02/2009. Chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị không đề nghị hòa giải.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho anh D được ly hôn chị B; Về con chung; đề nghị giao cháu Lê Thị Ngọc B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Anh Dũng phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Lê Văn D làm đơn xin ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị B có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn D và chị Phạm Thị B đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh D, chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Anh Lê Văn D và chị Phạm Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa anh D và chị B phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của anh D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Thị Ngọc B1, sinh ngày 02/02/2009. Vợ chồng đều thống nhất giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Dũng phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 - NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn D được ly hôn chị Phạm Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc B1 , sinh ngày 02/02/2009 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Dũng có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0000931, ngày 29/02/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Anh D1 đã nộp đủ án phí

Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn D; chị Phạm Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Vân;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thanh